

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2021
“*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khắc Dũng, ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 240/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện EaKar, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch. Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Chí T. Địa chỉ: Thôn An B, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 17/01/2020 và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch trình bày:*

- Vào ngày 8/8/2017(AL) ông Lê Chí T có vay của ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch số tiền 100.000.000 đồng, hẹn trong vòng 1 tháng sẽ trả số tiền này. Tuy nhiên, khi đến hạn ông T mới trả cho ông B, bà Ch được một ít tiền lãi, không nhớ cụ thể bao nhiêu, còn tiền gốc ông T chưa trả được. Vì vậy, ngày 08/12/2018 ông B, bà Ch và ông Lê Chí T có lập một giấy cam kết vay tiền để thay thế và giấy vay ngày 8/8/2017(AL), với số tiền vay vẫn giữ nguyên 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Các bên thỏa thuận, kể từ ngày vay ông T phải trả cho ông B, bà Ch mỗi tháng 5.000.000 đồng và hạn trả cuối cùng của số tiền trên là ngày 30/12/2019 (Ấm), tức ngày 24/01/2020 Dương lịch. Nếu ông T không trả được số tiền trên thì ông T phải có trách nhiệm phải thế chấp cho gia đình ông B, bà Ch

chiếc xe biển số 47C 134.70, tuy nhiên sau ông T chưa thể chấp cho ông B, bà Ch chiếc xe này.

Đến ngày 30/01/2020, ông T có trả được 5.000.000 đồng cho ông B, bà Ch, hiện còn nợ lại 95.000.000 đồng. Do quá hạn trả nợ đã lâu nhưng ông T không trả cho ông B, bà Ch thêm khoản tiền gốc nào. Vì vậy, ông B, bà Ch làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Chí T phải trả cho ông B, bà Ch số tiền nợ gốc là 95.000.000 đồng và số tiền lãi 14.660.273 đồng tính theo lãi suất do trả nợ quá hạn 10%/năm như sau:

+ Tiền lãi từ ngày 25/01/2020 đến ngày 29/01/2020 là: $(100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 05 \text{ ngày})/365 \text{ ngày} = 136.986 \text{ đồng}$.

+ Tiền lãi tính từ ngày 01/02/2020 tạm tính đến ngày xét xử 18/8/2021 là: $(95.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 558 \text{ ngày})/365 \text{ ngày} = 14.523.287 \text{ đồng}$.

Vào ngày 17/12/2018 ông Lê Chí T tiếp tục vay của ông B, bà Ch thêm 70.000.000 đồng, với lãi suất là 4,5%/tháng. Ông T hẹn đến ngày 21/12/2018 thì trả. Ông T có thể chấp cho gia đình ông B, bà Ch 01 chiếc xe ben biển số 47C 106.36 và 01 giấy tờ gồm 1 giấy chứng nhận kiểm định, 01 bảo hiểm hết hạn, một giấy phép lái xe hạng E mang tên ông Lê Chí T.

Vào ngày 22/3/2019, ông T có dẫn tới nhà ông B, bà Ch một người tên Nguyễn Thiện Hiếu địa chỉ: Xã Hồng Long, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và ông Nguyễn Công Toàn, tạm trú: Xã Ea Hoa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, ông T yêu cầu ông B cho ông T lấy lại xe ben biển số 47C 106.36 để cho ông Toàn thuê lại. Tuy nhiên gia đình ông B, bà Ch không đồng ý, sau đó ông T đưa chiếc tải 4 chân biển số 47C 139.70 để thế chấp thay cho chiếc xe ben 47C 106.36 thì ông B, bà Ch mới chấp nhận cho ông T lấy chiếc xe ben ra cho ông Toàn thuê, sau đó ông B có trả lại cho ông T 01 giấy chứng nhận kiểm định xe và 01 bảo hiểm hết hạn nhưng không lập biên bản giao nhận. Giữa ông B, bà Ch, ông T, ông Toàn có lập một giấy cam kết, thống nhất tiền thuê xe là 80.000.000 đồng, ông Toàn có trách nhiệm trả số tiền thuê xe này cho ông B, bà Ch để khấu trừ qua tiền nợ cho ông T. Sau khi lập giấy cam kết ngày 23/3/2019 thì ông Toàn đưa cho ông B, bà Ch 20.000.000 đồng, số tiền còn lại ông Toàn hẹn đến ngày 23/3/2019 trả 20.000.000 đồng và số tiền 40.000.000 đồng còn lại ông Toàn hẹn là 20 ngày kể từ ngày 23/3/2019 thì sẽ trả hết, trường hợp ông Toàn không trả như đúng hẹn thì ông T phải có trách nhiệm trả số tiền này cho vợ chồng ông B, bà Ch để hoàn thành khoản vay. Nhưng đến ngày 26/3/2019 ông T mới trả tiếp cho ông B, bà Ch số tiền 20.000.000 đồng, ông T nói là cho ông T lấy lại chiếc xe tải 47C 139.70 để về chở mía lấy tiền trả nợ cho ông B. Vì tin tưởng nên ông B đã giao trả xe ô tô này cho ông T.

Đối với giấy vay 17/12/2018, ông T đã trả cho ông B, bà Ch được 40.000.000 đồng và còn nợ lại 30.000.000 đồng. Nhưng do quá hạn trả nợ đã lâu ông T không trả được cho ông B, bà Ch khoản vay này nên ông B, bà Ch khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho ông B, bà Ch số tiền nợ gốc của khoản vay này là 30.000.000 đồng và tiền lãi 8.841.095 đồng tính theo lãi suất do trả nợ quá hạn 10%/năm như sau:

Từ ngày 18/12/2018 đến ngày 20/3/2019: $(70.000.000 \text{ đồng} \times 92 \text{ ngày} \times 10\%/năm)/365 \text{ ngày} = 1.764.383 \text{ đồng}$.

Từ ngày 27/3/2019 đến ngày xét xử 18/8/2021 là: $(30.000.000 \text{ đồng} \times 861 \text{ ngày} \times 10\% / \text{năm}) / 365 = 7.076.712 \text{ đồng}$.

Ông B, bà Ch xác định hiện tại ông Lê Chí T còn nợ lại ông B, bà Ch số tiền vay gốc 125.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 18/8.2021 là 23.501.368 đồng. Vì vậy, ông B, bà Ch yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Chí T trả số tiền nợ là 148.501.368 đồng, trong đó nợ gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 18/8.2021 là 23.501.368 đồng.

** Tại bản tự khai ngày 11/8/2020, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lê Chí T trình bày:*

- Ông T thừa nhận ngày 08/12/2018 (AL) có hai bên có thỏa thuận viết giấy cam kết vay tiền của ông B, bà Ch là 100.000.000 đồng là đúng như đã trả được cho bà Ch, ông B 5 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 25.000.000 đồng. Nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng này và xác định hiện nay chỉ còn nợ ông B, bà Ch số tiền 75.000.000 đồng. Nên chỉ đồng ý trả cho ông B bà Ch số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Còn đối với số tiền vay 70.000.000 đồng vào 17/12/2018, ông T thừa nhận là có vay của ông B, bà Ch, với lãi suất là 4,5%/ tháng và có hạn đến ngày 21/12/2018 thì trả số tiền trên cho ông B, bà Ch. Ông T có thể chấp cho gia đình ông B 01 chiếc xe ben biển số 47c 106.36 và 01 giấy tờ gồm 1 giấy chứng nhận kiểm định, 01 bảo hiểm hết hạn, một bằng lái xe và 01 chứng minh nhân dân. Tuy nhiên đến ngày 22/3/2019 giữa ông T và ông Nguyễn Công Toàn và ông B có lập giấy để thuê lại chiếc xe ben 47C 106.36 với nội dung “ ông Nguyễn Công Toàn hợp đồng thuê lại, có trách nhiệm giao với số tiền là 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Thanh B mà ông Lê Chí T vay của ông B, trước mắt ông Toàn đưa cho ông B 20.000.000 đồng”. Theo như nội dung ông B và ông Toàn thỏa thuận thì ông Toàn có trách nhiệm trả cho ông B số tiền tôi nợ là 70.000.000 đồng trên, do đó ông T không còn nợ ông B đối với số tiền 70.000.000 đồng này nữa. Vậy nay, ông B yêu cầu Tòa án buộc tôi trả số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 17/12/2012 là 30.000.000 đồng và tiền lãi 8.841.095 đồng. Ông T không đồng ý.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466 và Điều 468 BLDS: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Lê Chí T phải trả cho ông B, bà Ch số tiền nợ là 148.501.368 đồng, trong đó nợ gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 18/8.2021 là

23.501.368 đồng. Buộc ông B, bà Ch phải trả lại cho ông Lê Chí T 01 giấy phép lái xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch khởi kiện yêu cầu ông Lê Chí T phải trả số tiền nợ 148.501.368 đồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) đây là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện EaKar, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung:

- Ông T thừa nhận ngày 08/12/2018 (AL) có hai bên có thỏa thuận viết giấy cam kết vay tiền của ông B, bà Ch là 100.000.000 đồng là đúng như đã trả được cho bà Ch, ông B 5 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng là 25.000.000 đồng. Nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả số tiền gốc là 25.000.000 đồng này và xác định hiện nay chỉ còn nợ ông B, bà Ch số tiền 75.000.000 đồng. Nên chỉ đồng ý trả cho ông B bà Ch số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Ông T cũng thừa nhận ngày 17/12/2018 có vay của ông B, bà Tâm 70.000.000 đồng, lãi suất 4,5%/tháng và hẹn đến ngày 21/12/2018 thì trả số tiền gốc lãi trên cho ông B, bà Ch. Nhưng ngày 22/3/2019 giữa ông T và ông Nguyễn Công Toàn và ông B có lập giấy để thuê lại chiếc xe ben 47c 106.36 với nội dung “ông Nguyễn Công Toàn hợp đồng thuê lại, có trách nhiệm giao với số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Thanh B và mà ông Lê Chí T vay của ông B, trước mắt ông Toàn đưa cho ông B 20.000.000 đồng”. Theo như nội dung ông B và ông Toàn thỏa thuận thì ông Toàn có trách nhiệm trả cho ông B số tiền tôi nợ là 70.000.000 đồng trên, do đó tôi không còn nợ ông B đối với số tiền 70.000.000 đồng này nữa nên không đồng ý trả cho ông B, bà Ch số nợ gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi 8.841.095 đồng.

Đối với khoản vay ngày 08/12/2018 (AL), hai bên đương sự đều thừa nhận việc vay 100.000. 000 đồng là thực tế. Tuy nhiên, ông B bà Ch chỉ thừa nhận ông T đã trả được cho ông B, bà Ch 5.000.000 đồng, còn ông T cho rằng đã trả được 25.000.000 đồng như không đưa được tài liệu chứng cứ, chứng minh đã trả được cho ông B, bà Ch số tiền 25.000.000 đồng này.

Đối với khoản vay, 70.000.000 đồng ngày 17/12/2018 hai bên đều thừa nhận số tiền vay, lãi suất và hạn trả nợ là đúng với thực tế. Hai bên cũng thừa nhận, ngày 22/3/2019 giữa ông T và ông Nguyễn Công Toàn và ông B có lập giấy để thuê lại chiếc xe ben 47c 106.36 với nội dung “ ông Nguyễn Công Toàn hiệp đồng thuê lại, có trách nhiệm giao với số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho ông

Nguyễn Thanh B mà ông Lê Chí T vay của ông B, trước mặt ông Toàn đưa cho ông B 20.000.000 đồng” là đúng.

Ông B cho rằng đối với khoản vay này, ông T thông qua ông Toàn đã trả cho ông B, bà Ch được 40.000.000 đồng tiền gốc, còn ông T cho rằng sau khi ký thỏa thuận “ ông Nguyễn Công Toàn hiệp đồng thuê lại, có trách nhiệm giao với số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) cho ông Nguyễn Thanh B và mà ông Lê Chí T vay của ông B, trước mặt ông Toàn đưa cho ông B 20.000.000 đồng” là ông T không còn trách nhiệm đối với khoản nợ 70.000.000 đồng nợ ông B, bà Ch nữa. HĐXX xét thấy, ông T giao xe ô tô ben 47c 106.36 cho ông B bà Ch chỉ là để làm tin cho việc vay 70.000.000 đồng, sau đó giữa ông T và ông Nguyễn Công Toàn và ông B có lập giấy đề cho ông Toàn thuê lại chiếc xe ben 47c 106.36 và ông Toàn có trách nhiệm lấy tiền thuê xe ô tô của ông T này trả cho ông B, bà Ch thay ông T số tiền nợ 70.000.000 đồng. Thực chấp hợp đồng thuê xe này là giữa ông T và ông Toàn, còn ông B, bà Ch chỉ là người đồng ý trả xe ô tô lại cho ông T, để cho ông T cho ông Toàn thuê, sau đó ông T đã dùng xe ô tô và không có trách nhiệm gì trong việc thuê xe này. Ngoài những lời trình bày trên, ông T không đưa ra được chứng cứ, tài liệu nào chứng minh cho lời trình bày của ông T là đúng nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với một giấy phép lái xe hạng E số 660131020238 đã được sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2018 cho ông Lê Chí T. Đây là tài sản hợp pháp của ông T, ông T đã thế chấp cho ông B, bà Ch nhưng việc thế chấp không đúng trình tự thủ tục theo pháp luật quy định nên không có hiệu lực pháp luật nên cần buộc ông B, bà Ch trả lại giấy phép lái xe này cho ông T

[3] Từ những chứng cứ mà các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch là có căn cứ nên HĐXX cần buộc ông Lê Chí T phải trả cho ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch số tiền nợ là 148.501.368 đồng, trong đó nợ gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 18/8.2021 là 23.501.368 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Chí T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn (theo mức 148.501.368 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch.

Buộc ông Lê Chí T phải trả cho ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Ch số tiền nợ 148.501.368 đồng, trong đó nợ gốc là 125.000.000 đồng và tiền lãi là 23.501.368 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Buộc ông Nguyễn Thanh B và bà Đặng Thị Cho phải trả lại cho ông Lê Chí T 01 giấy phép lái xe hạng E số 660131020238 đã được sở giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/09/2018 mang tên Lê Chí T.

2. Về án phí: Ông Lê Chí T phải chịu 7.425.068 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện Eakar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Cường Anh